Vietnam Tariff Intelligence

# Detalle del SA 9804.28

| | |
|---|---|
| **Código SA** | 9804.28 |
| **Descripción** | Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: |
| **Unidad** | |
| **Generado** | 03/11/2026 03:32:10 |
| **Versión de datos** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Estado de verificación** | Datos arancelarios cotejados con el archivo de origen; recomendaciones/correspondencias orientativas; elegibilidad para el TLC no verificada. |
| **Enlace** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/980428/ |

## 3 líneas arancelarias en 9804.28

| Código SA | Descripción | Unidad | Derecho de importación ordinario | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 9804.28.11 | Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - - Còn vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước | | 40,5% | 27% | Sin datos |
| 9804.28.19 | Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - - Loại khác | | 40,5% | 27% | Sin datos |
| 9804.28.90 | Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Loại khác | | 40,5% | 27% | Sin datos |

Este informe es orientativo y se genera a partir de los datos arancelarios de origen y de las reglas de asesoría. No es una resolución aduanera y no confirma la clasificación SA, la elegibilidad para el TLC ni la validez jurídica. El usuario debe verificar con la legislación vigente.